

10 hợp tác xã vùng chè, 5 hợp tác xã dâu tằm, 7 hợp tác xã nghề cá bột và 19 hợp tác xã nông nghiệp có nghề phụ. Đến hết năm 1959, toàn tỉnh có 508/645 thôn có hợp tác xã, trong đó 85/161 thôn công giáo đã xây dựng hợp tác xã thu hút 10,29% tổng số hộ giáo dân; 142 hợp tác xã nhỏ hợp nhất hoặc gộp lại thành 57 hợp tác xã quy mô vừa. Huyện Kim Bảng và Duy Tiên có phong trào phát triển hợp tác xã nhanh. Nhiều chi bộ Đảng ở nông thôn đã lấy việc củng cố, phát triển hợp tác xã làm nội dung giáo dục cho đảng viên và quần chúng.

Phát huy thắng lợi của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Tỉnh ủy phát động đợt củng cố xây dựng hợp tác xã *Mùa thu 1960*. Kết quả toàn tỉnh có 124/133 xã căn bản hoàn thành hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, xây dựng mới được 160 hợp tác xã, đưa tổng số lên 1.158 hợp tác xã với 37.807 hộ xã viên. Các huyện Duy Tiên đạt 96,34%, Kim Bảng 91,97%, Lý Nhân 86,34%, Bình Lục 86,19% và Thanh Liêm 82,06% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Toàn tỉnh có 7.015 hộ (đạt 68%) giáo dân vào hợp tác xã nông nghiệp. Đến cuối năm 1960, Hà Nam căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp với 1.145 hợp tác xã vừa và nhỏ gồm 89.717 hộ xã viên, đạt 90% tổng số hộ nông dân, bình quân 78 hộ/hợp tác xã. Trong tổng số trên 1 ngàn hợp tác xã có 75,81% hợp tác xã quy mô thôn. Xã Mọc Bắc (huyện Duy Tiên) là hợp tác xã quy mô xã đầu tiên ở Hà Nam với 1.187 hộ xã viên.

Bên cạnh việc tập trung cao độ cho phong trào hợp tác hóa, việc củng cố và phát triển tổ đổi công vẫn được chú trọng. Đến cuối năm 1960, toàn tỉnh có 1.706 tổ đổi công

ở 85/133 xã gồm 2.700 hộ, trong đó có 1.469 tổ vụ việc và 237 tổ thường xuyên. Ở Kim Bảng, Thanh Liêm, Bình Lục có 1.275 tổ vụ việc gồm 18.174 hộ và 184 tổ thường xuyên thu hút 2.320 hộ. Tuy nhiên, thời kỳ này hoạt động của tổ đổi công yếu <sup>(1)</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, Tỉnh ủy Hà Nam coi trọng việc cải tạo và phát triển tiểu thủ công nghiệp, từng bước cải tiến kỹ thuật, tận dụng mọi khả năng của thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp, kiến thiết cơ bản, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Cuối năm 1957, toàn tỉnh có 13.909 người làm các ngành nghề thủ công, trong đó ngành nghề tương đối tập trung và chuyên nghiệp gồm 8.997 người (ở Thị xã 373 người). Những người này phần nhiều phân tán, vừa sản xuất nông nghiệp vừa làm nghề thủ công như ngói ở Châu Sơn (Kim Bảng), vôi Sở Kiện (Thanh Liêm), vôi vuông ở Đại Hoàng (Lý Nhân) và Ngọc Lũ (Bình Lục). Ngành thủ công nghiệp Hà Nam tổ chức hầu hết những người làm ăn riêng lẻ vào các tổ sản xuất, củng cố các tập đoàn làm nghề song mây, làm ngói, tổ sản xuất khay trai để tiến tới xây dựng hợp tác xã.

Năm 1958, toàn tỉnh phát triển thêm 2 lò gốm, 44 lò gạch, 2 lò ngói, 19 lò vôi và 2 lò rèn. Xưởng sản xuất nông cụ được xây dựng và hoàn thành vào cuối năm. Một số mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu đạt khá, trong đó có

---

(1) Báo cáo của Tỉnh ủy về tình hình và nhiệm vụ hợp tác hóa nông nghiệp 6 tháng cuối năm 1960.

4.000 tấn đường mật, 100.000 bát đĩa sứ, 40.000 gốt, khay, chậu, trên 2.000.000 mét vải lụa và các mặt hàng ghê song mây, thêu ren, bột lọc. Giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp cả năm đạt 9.217 triệu đồng, vượt 13% kế hoạch.

Tháng 10-1958, Hà Nam tiến hành *Cuộc vận động cải tiến chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh* theo Chỉ thị 116 và 66 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đây là cuộc vận động nhằm cải tạo tư tưởng, sửa chữa tác phong và cải tiến tổ chức quản lý xí nghiệp, có ý nghĩa quyết định trong nội bộ giai cấp công nhân. Căn cứ vào tình hình các xí nghiệp của Hà Nam, Tỉnh ủy chủ trương lấy xí nghiệp Bưu điện làm thí điểm, còn các xí nghiệp khác tiến hành chấn chỉnh công tác tổ chức và quản lý xí nghiệp. Sau 3 tháng phát động cải tiến quản lý ở xí nghiệp Bưu điện đã hoàn thành, ý thức làm chủ của công nhân được đề cao, hàng trăm kiến nghị hợp lý hóa sản xuất được nghiên cứu áp dụng, công tác quản lý được cải tiến, năng suất tăng lên rõ rệt, kế hoạch được hoàn thành, có mặt vượt như phát triển độc giả sách báo tăng 45%. Tuy nhiên cũng còn một số tồn tại như ranh giới giữa Đảng lãnh đạo, công đoàn, thủ trưởng nhiều lúc còn lẫn lộn, lẫn sân<sup>(1)</sup>.

Từ việc thí điểm tỉnh đã nhân rộng ra diện, tạo điều kiện cho công tác cải tiến quản lý ở các xí nghiệp có tiên bộ. Đội ngũ công nhân đã nhận rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, nâng cao ý thức xây dựng và bảo vệ xí nghiệp. Tinh thần lao động được nâng lên một bước. Sinh hoạt tập thể dân chủ được mở rộng, chế độ lao động bước đầu được thi hành, nội bộ đoàn kết hơn trước. Phong trào cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao

---

(1) Báo cáo số 17 ngày 1-1-1960 của Tỉnh ủy Hà Nam về tổng kết tình hình năm 1959.

động được đẩy mạnh. Tổ chức chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được thành lập ở nhiều nơi

Để tạo một bước chuyển biến trong công tác cải tạo công thương nghiệp, trong hai ngày (20 và 21-4-1958) Tỉnh ủy Hà Nam họp nghiên cứu tình hình thực tế của Hà Nam, đề ra nhiệm vụ cải tạo và phát triển công thương nghiệp của tỉnh năm 1959 là :

- Ra sức phát triển và củng cố mặt dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán nhằm mục đích phục vụ, thúc đẩy việc cải tạo và phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiểu thương và buôn bán nhỏ.

- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh và thủ công nghiệp theo phương châm tích cực lãnh đạo, tiến từng bước vững chắc, quần chúng tự nguyện đẩy mạnh sản xuất thực hiện *nhANH, nhiEU, tỐT, rẺ*.

- Tăng cường quản lý thị trường, giữ vững giá cả, nhất là giá thóc khi giáp hạt, giá các nông cụ và vật liệu xây dựng.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, năm 1959 Hà Nam tổ chức được 7.537 thợ thủ công (58%) vào các hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác, tập đoàn sản xuất. Trong 3 năm cải tạo (1958 - 1960), hơn 90% trong tổng số 19.505 người làm nghề thủ công (trong đó có 6.217 người thuộc ngành nghề tập trung và chuyên nghiệp nằm trong diện cải tạo), vào các hợp tác xã sản xuất và 435 người vào các cơ sở xí nghiệp quốc doanh.

Bằng phương pháp *cải tạo hòa bình*, Hà Nam đã tuyên truyền vận động đưa 3 xí nghiệp (in, ô tô, canô) của 3 hộ tư sản vào hình thức công tư hợp doanh. Các ngành vận tải thô sơ, các cơ sở văn hóa, đông y được tư nhân cũng được đưa vào tổ chức hợp doanh và hợp tác xã.

Năm 1959, Hà Nam hoàn thành công tác đăng ký kinh doanh thương nghiệp. Do chú ý công tác tuyên truyền giáo dục và tác động của phong trào hợp tác xã nông nghiệp, cải tạo thủ công nghiệp nên phần lớn đã tự nguyện đi theo con đường hợp tác tương trợ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong tổng số 6.081 tư thương có 574 người chuyển sang các ngành sản xuất (chủ yếu sản xuất nông nghiệp), 645 người vào các hình thức *mua bán chung*, *mua chung bán riêng* và 1.151 người đại lý kinh tiêu, nâng tổng số tiểu thương được cải tạo lên 2.370 người (đạt 38,7%); trong đó có 15% ở hình thức quốc doanh. Riêng thị xã Phú Lễ đạt 51,4%, thị trấn và nông thôn đạt 37,7% tập trung ở những ngành hàng chính như thịt, muối. 100% tiểu thương được cải tạo, vải sợi 89%, tân được 85%, gôm 49%, bách hóa 44%, vật liệu xây dựng 37% và thuốc bắc 35%. Toàn tỉnh đã tổ chức được 193 tổ *mua riêng bán chung*, 51 tổ *mua chung bán riêng*, 137 tổ *mua bán chung*. Ngoài ra còn có các tổ ủy thác, đại lý kinh tiêu. Đến hết năm 1960, có 5.141 tiểu thương trong tỉnh đã được cải tạo, đạt 78,3%.

Qua các đợt cải tạo, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức phục vụ nhân dân của các tổ hợp tác đã có tiến bộ hơn trước. Việc chấp hành chính sách giá cả được bảo đảm.

Mạng lưới mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán tiếp tục được củng cố và phát triển. Năm 1959, toàn tỉnh xây dựng được 199 cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, bằng 146% năm 1958, trong đó vùng nông thôn tăng 57 cửa hàng và thị xã tăng 6 cửa hàng. Doanh số hàng hóa bán lẻ của mậu dịch quốc doanh đạt 101% kế hoạch và bằng 113% năm 1958, các hợp tác xã mua bán đạt 98% kế hoạch. Thị trường xã hội chủ nghĩa được mở rộng đã cung cấp nhiều mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời

sống của nhân dân, đồng thời thu mua tiêu thụ nông phẩm hàng hóa, hạn chế nạn đầu cơ tích trữ, góp phần bảo đảm vật tư trong tay Nhà nước và bình ổn thị trường.

Hưởng ứng phong trào củng cố và phát triển hợp tác xã vay mượn hợp tác xã tín dụng do tỉnh phát động cuối năm 1959 toàn tỉnh đã có 24.434 xã viên hợp tác xã vay mượn, chỉ bằng 24% tổng số nông dân. Để thực hiện phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội hợp tác xã vay mượn tỉnh đề ra đầu năm 1960, từ tháng 3 đến tháng 9-1960, toàn tỉnh phát triển được 10.283 xã viên, gần bằng số lượng phát triển cả năm 1959. Nhiều xã phát triển khá nhanh như Bạch Thượng, Tiên Hải, Thắng Lợi (Duy Tiên); Công Lý, Văn Lý, Nhân Hậu (Lý Nhân)... Hợp tác xã nông nghiệp có 100% hộ xã viên tham gia hợp tác xã vay mượn là Bút Sơn, Thanh Sơn và Nhật Tựu (Kim Bảng); Thanh Phong, Thanh Hương (Thanh Liêm). Các Ban quản lý hợp tác xã vay mượn cũng được củng cố, kiện toàn, 165 cán bộ quản lý hợp tác xã vay mượn của 117 xã được dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do tỉnh mở. Số vốn cổ phần được huy động ngày càng tăng, phong trào gửi tiền tiết kiệm phát triển sâu rộng trong nhân dân.

Trong 3 năm (1958 - 1960), công tác cải tạo các thành phần kinh tế cá thể ở Hà Nam đã căn bản hoàn thành. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập dưới 2 hình thức sở hữu: Nhà nước và tập thể thay thế sở hữu tư nhân, xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Khối đoàn kết liên minh công nông được củng cố và tăng cường. Phong trào "3 ngọn cờ hồng"<sup>(1)</sup> ở nông thôn được hoàn thiện, làm cho các hoạt động kinh tế trở nên phong phú

---

(1) Gồm hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã nông nghiệp

đa dạng, sản xuất tiếp tục phát triển, bộ mặt nông thôn và đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Để cấy hết diện tích và chống hạn cứu lúa vụ chiêm 1959, diện tích bị hạn của tỉnh lên tới 28.000 mẫu, trong đó có 22.684 mẫu lúa đã cấy, Tỉnh ủy phát động phong trào *Quyết tâm chống hạn*. Hưởng ứng phong trào, cán bộ, bộ đội, thương binh, học sinh đã cùng nhân dân ngày đêm nạo vét, khơi dòng mương máng lấy nước tưới ruộng Huyện Thanh Liêm mỗi ngày có hàng trăm người tát nước, sử dụng rộng rãi cày 51, cày cải tiến, bừa đĩa đã được thay thế cày, bừa cũ. Các biện pháp kỹ thuật như tăng diện tích cấy 2 lượt, cấy dày 20 x 10, bón tăng phân chuồng và dùng phân hóa học đã được áp dụng. Phong trào thi đua với tỉnh Vĩnh Phúc *Quyết tâm sản xuất vụ Đông Xuân 1960 thắng lợi toàn diện* diễn ra sôi động ở hầu khắp các hợp tác xã.

Từ năm 1958 - 1960, Hà Nam vừa cải tạo, vừa tổ chức sản xuất, trong điều kiện nông nghiệp liên tiếp gặp khó khăn, 5/6 vụ bị hạn, úng nặng nề. Song, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy cùng với những cố gắng nỗ lực của cán bộ, đảng viên và toàn dân, sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khả quan. So với 3 năm (1955 - 1957), diện tích các loại cây trồng đạt 247.052 ha, tăng 4,5%; giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng 38,8%; bình quân lương thực năm 1959, đạt 324,81 kg/người. Giá trị sản lượng chăn nuôi hàng năm tăng 16%, trong đó đàn lợn tăng 6%, đàn trâu bò tăng 7,7%. Nghề cá năm 1960 gấp 4 lần năm 1957, diện tích thả cá tăng 262,5% so với 3 năm khôi phục kinh tế.

Sản xuất lâm nghiệp chưa thực sự chú ý. Chế độ quản lý, khai thác, bảo vệ rừng chưa được quy định cụ thể, vì

vậy tình trạng chặt cây, lấy củi còn tự do tùy tiện. Việc trồng cây ăn quả và lấy gỗ trong nhân dân còn ít.

Với sự trợ giúp của Nhà nước, các hợp tác xã thủ công nghiệp thuộc các ngành nghề như làm mũ, dép lốp, khay trai, mực viết, gò hàn tôn sắt, làm guốc v.v... phát triển dưới hình thức gia công cho Nhà nước. Năm 1959 giá trị tổng sản lượng thủ công nghiệp đạt 104%, tăng 20% so với năm 1958.

Về công nghiệp, năm 1959 hoàn thành việc xây dựng nhà máy đường Vĩnh Trụ, với công suất 25 tấn mía/ngày. Xưởng nông cụ được mở rộng, mỗi ngày sản xuất gần 1.000 lưỡi cày 51 và làm thí điểm một số nông cụ cải tiến. Xưởng chế biến gỗ được củng cố, mở rộng, bảo đảm cung cấp đủ gỗ cho kiến thiết cơ bản trong tỉnh. Tốc độ xây dựng nhà máy nhiệt điện được đẩy mạnh. Trong 3 năm (1958 - 1960), Hà Nam đã xây dựng được 13 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, giải quyết công ăn việc làm cho 1.377 công nhân <sup>(1)</sup>, tăng 43,78% so với năm 1957, riêng công nhân công nghiệp có 762 người tăng hơn 42 lần; tổng sản lượng công nghiệp tăng 14,8% so với năm 1957.

Phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, hạ giá thành cũng đạt nhiều kết quả. Nổi bật là hợp tác xã dệt vải Tiến Hưng, hợp tác xã song mây. Xưởng nông cụ đã cải tiến phương pháp đúc gang, đưa năng suất nấu gang từ 160 kg lên 390 kg/ngày, sản xuất lưỡi cày 51 từ 80 lên 200 chiếc/ngày. Từ khi thành lập đến cuối năm

---

(1) Trừ 3 xí nghiệp thiết bị nửa cơ khí (Đường Vĩnh Trụ, Nhiệt điện. In), còn lại đều là thủ công (xưởng nông cụ, chế biến gỗ, vôi, gạch ngói, may mặc, XN bưu điện v.v...)



1960, xưởng nông cụ sản xuất được 2.038 chiếc cày cải tiến, 13.486 lưỡi, đập cày, 50 chiếc bừa cải tiến, 51 máy tuốt lúa. Xưởng nung vôi cho ra lò 2.903 tấn vôi phục vụ xây dựng. Nhà máy nhiệt điện sản xuất 459.680 KW điện.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về thu đổi tiền Ngân hàng cũ sang tiền Ngân hàng mới<sup>(1)</sup>, từ ngày 28-2 đến ngày 1-3-1959, toàn tỉnh đã hoàn thành công tác thu đổi tiền. Mặc dù có những khó khăn, song cán bộ, đảng viên đã tích cực tuyên truyền, giải thích, vận động nhân dân giúp đỡ cán bộ bảo đảm việc thu đổi nhanh gọn, an toàn và ổn định giá cả thị trường.

Hoạt động tài chính Ngân hàng có chuyển biến tích cực trong việc thu, chi, quản lý tiền tệ và bảo đảm vốn đầu tư cho sản xuất. Năm 1957, thu vượt 1% và giảm chi 2% so với kế hoạch; 54% tổng số vốn được đầu tư phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội. Năm 1958, toàn tỉnh hoàn thành việc ổn định diện tích ruộng đất và định mức thu thuế nông nghiệp. Thuế công thương nghiệp đảm bảo 102% và thu nợ đạt 113% kế hoạch. Việc truy thu, chống thất thu thuế đạt kết quả. Năm 1958 phát hiện 8.092 vụ trốn lậu thuế, truy thu 48.794.000 đồng; năm 1959 kiểm tra chống thất thu thuế nông nghiệp tìm ra 470 mẫu ruộng. Đặc biệt, năm 1960 công tác "3 thu" đạt kết quả khá, toàn tỉnh đạt 1.106.002 kg, trong đó thu thuế 235.946 kg, thu nợ 14.986kg, thu mua 855.090kg. Phong trào gửi tiền tiết kiệm được mở rộng, toàn tỉnh có 81,9% cán bộ, cơ quan, đoàn thể, 55,6% công trường, xí nghiệp

---

(1) Tỷ lệ chuyển đổi 1 đồng Ngân hàng mới bằng 1.000 đồng tiền Ngân hàng cũ (Báo Nhân Dân số ra ngày 28-2-1959, trang 1).

và 71,4% nhân dân tham gia gửi tiền tiết kiệm, nâng số dư tiền gửi năm 1959 lên 133,3% so với năm 1958. Hoạt động cho vay đã chú trọng vào các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Công tác xây dựng cơ bản có nhiều tiến bộ hơn các năm trước. Năm 1959, hoàn thành 91% kế hoạch xây dựng các công trình, do kinh phí Trung ương cấp và 65% kế hoạch công trình kinh phí địa phương, gồm: trụ sở các cơ quan đoàn thể cấp tỉnh (Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Tòa án, Bệnh viện), Ủy ban hành chính thị xã, Ủy ban hành chính huyện và trường phổ thông cấp II Bình Lục. Tuy nhiên các công trình do kinh phí Trung ương cấp như Cục vật tư, Trại chăn nuôi Đồng Văn mới đạt 61% kế hoạch.

Công tác giao thông, vận tải có chuyển biến tích cực. Việc sửa chữa tu dưỡng đường bộ luôn đảm bảo thông suốt. Năng suất lao động trên các công trình nhựa hoa đường bộ, bến phà đạt từ 173% - 270% kế hoạch. Các công trình rải đá, lát đá, kê đá trên các đường 21, 60, 63, sửa cầu Phủ Lý, xây dựng cống Đồng Văn, đóng pha, ca nô v.v... đều đạt 100% kế hoạch, tiết kiệm được nguyên vật liệu và kinh phí cho Nhà nước trị giá hàng triệu đồng. Nhiệm vụ củng cố hợp tác xã cũ và các cơ sở công tư hợp doanh ô tô, ca nô được chú ý hơn. Quý III năm 1960, ngành Vận tải xây dựng thêm 1 hợp tác xã xe bò kéo gồm 22 xe và 1 hợp tác xã vận tải thuyền gồm 55 chiếc thuyền. Kế hoạch vận tải thủy, bộ được hoàn thành với khối lượng đạt 160% tấn/km đường bộ và 130% tấn/km đường thủy. Giá thành vận chuyển hạ, quản lý hàng hóa tiến bộ hơn.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế được đẩy mạnh. Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp, các ngành liên tiếp mở những

đợt thi đua diệt dốt. Nhờ vậy trong 3 năm (1956 - 1958) toàn tỉnh thanh toán nạn mù chữ cho 211.346 người ở độ tuổi từ 12 đến 50, đạt 93,7% tổng số người mù chữ. Huyện Kim Bảng đạt 97,8%, các huyện Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm và thị xã Phủ Lý được công nhận hoàn thành thanh toán nạn mù chữ. Đến ngày 5-11-1958, Hà Nam hoàn thành thanh toán nạn mù chữ cho toàn dân, vượt thời hạn 55 ngày. Với thành tích trên, Hà Nam được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì <sup>(1)</sup>.

Năm 1959, phong trào bổ túc văn hóa ở nông thôn, thị xã, cơ quan, công trường, xí nghiệp được đẩy lên một bước. Toàn tỉnh đã có 546 cán bộ chủ chốt xã dự học văn hóa tập trung, 10.840 cán bộ xã, xóm, hợp tác xã mãn khóa đạt 41,2%. Các xã Khả Phong và Liên Sơn (Kim Bảng); Liêm Thuận (Thanh Liêm); Tiên Hòa (Duy Tiên) có 80 - 90% cán bộ đi học bổ túc văn hóa; một số hợp tác xã mở được các lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ, xã viên. Toàn tỉnh có 26 trường văn hóa của đoàn thanh niên và một trường bổ túc văn hóa công nông. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng phong trào bổ túc văn hóa vẫn được duy trì. 1.835 giáo viên bổ túc văn hóa được đào tạo bồi dưỡng, trên 30.000 cán bộ, đảng viên và nhân dân đi học.

Phát huy thành tích đạt được, ngày 28-12-1959, Tỉnh ủy Hà Nam họp quyết định phương hướng, chỉ tiêu cụ thể của công tác bổ túc văn hóa từ 1960 - 1965. Quán triệt Nghị quyết 93 của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy về công tác bổ túc văn hóa, các cấp ủy Đảng,

---

(1) Sự kiện LSD Hà Nam Ninh, Sdd, trang 95.

chính quyền, ban ngành trong tỉnh đã tự kiểm điểm việc thực hiện và đề ra kế hoạch đẩy mạnh phong trào bổ túc văn hóa trong toàn tỉnh. Cuối năm 1960 có 48.660 người đi học, gấp 30 lần năm 1957; 82,4% cán bộ tỉnh học hết lớp 6, trong đó có 45,9% học từ lớp 7 trở lên; 100 cán bộ huyện học hết lớp 4 và 91,8% cán bộ chủ chốt hợp tác xã học hết lớp 3, trong đó 71,4% học hết lớp 4. Huyện Duy Tiên và Kim Bảng hoàn thành 90% kế hoạch công tác bổ túc văn hóa.

Thực hiện phương châm của tỉnh “*Dựa vào dân để xây dựng giáo dục*”, trong 3 năm (1958 - 1960), hệ giáo dục phổ thông Hà Nam phát triển nhanh, mạnh đáp ứng được yêu cầu học tập của con em trong tỉnh. Năm 1959, số trường phổ thông cấp I, II được mở rộng ra nhiều xã và khu vực; trong đó có 100% lớp vỡ lòng, 90% học sinh cấp I và 50% học sinh cấp II thuộc các trường dân lập. Nhiều học sinh trước đây do trường xa bỏ học nay lại tiếp tục đến lớp. Đến năm 1960, cả tỉnh có 172 trường, trong đó có 38 trường phổ thông cấp II và 1 trường phổ thông cấp III Hà Nam. Học sinh phổ thông đạt tỷ lệ 12,5% số dân (1957) tăng lên 17,8% (1960). Do nắm vững phương pháp học kết hợp với hành, giáo dục ở trường được gắn liền với hoạt động thực tiễn của xã hội, vì vậy, các trường phổ thông có những đóng góp vào việc phục vụ phát triển sản xuất như làm ruộng và vườn trường thí nghiệm, tuyên truyền, phổ biến áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Mạng lưới y tế được củng cố và mở rộng. Bệnh viện tỉnh hoàn thành gồm 200 giường bệnh. Trong 3 năm (1958 - 1960), toàn tỉnh xây dựng được 118 trạm y tế dân lập, 3.434 tủ thuốc của hợp tác xã, gấp 5,5 lần năm 1957; xây

dựng 10 cơ sở y tế dân lập. Các chi hội Đông y được thành lập, bước đầu áp dụng *Đông - Tây y kết hợp* trong phòng và chữa bệnh. Ngành y tế đã đào tạo, bồi dưỡng 1.719 cán bộ y tế, trong đó có 61 thầy thuốc chuyên khoa mắt. Việc khám và điều trị bệnh cho nhân dân có tiến bộ, hạn chế tỷ lệ tử vong. Các bệnh sốt rét, đau mắt hột, bệnh lao từng bước được khắc phục. Phong trào vệ sinh phòng bệnh đi vào chiều sâu, nhất là phong trào *Sạch đường làng, ngõ phố, tốt ruộng đồng* đã căn bản giải quyết nạn mất vệ sinh về phân, nước, rác. Ý thức ăn chín, uống sôi, ở vệ sinh, dùng nước sạch trở thành nếp sống mới trong nhân dân. Đã có 80% số xã có phong trào làm hố xí 2 ngăn. Toàn tỉnh làm 1.977 giếng nước ăn, trong đó 7,8% là giếng khơi. Các xã Yên Hà, Mộc Bắc (Duy Tiên); Liên An (Bình Lục); Thanh Hà, Thanh Bình (Thanh Liêm); Khả Phong (Kim Bảng); Chính Lý và Nhân Hậu (Lý Nhân) là điển hình về phong trào vệ sinh của tỉnh. Đến năm 1960, có 90% số dân trong tỉnh được chủng đậu và tiêm phòng dịch bệnh, những đợt dịch bệnh xảy ra được kịp thời dập tắt.

Phong trào thể dục thể thao phát triển rộng khắp trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học. Toàn tỉnh có hơn 8.000 người thường xuyên luyện tập thể dục và 3.124 vận động viên thể thao. Việc bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu đã góp phần vào việc xây dựng nếp sống mới lành mạnh vui tươi. Những tệ tục trong cúng lễ, đồng bóng, bói toán, rượu chè, cờ bạc, ma chay, cưới hỏi đã giảm nhiều. Năm 1959, đội văn công tỉnh được thành lập. Nhiều đội văn nghệ không chuyên được xây dựng ở các địa phương, nội dung sáng tác và biểu diễn lành mạnh.

Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ ý nghĩa, mục đích, bản chất và tác dụng của việc thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự.

- Quá trình thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự làm cho các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng được củng cố thêm, vai trò của chi bộ Đảng và chi Đoàn thanh niên được phát huy.

- Đi đôi với thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, công tác xây dựng củng cố lực lượng dân quân du kích được chú trọng, nhiệm vụ giáo dục chính trị và luyện tập quân sự có chuyển biến tích cực hơn.

Từ kinh nghiệm thí điểm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự ở Hà Nam, công tác tuyển quân được triển khai sâu rộng trong toàn Liên khu; nhiều tỉnh và huyện bạn tìm đến Hà Nam nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm để triển khai thực hiện ở địa phương mình.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ sửa sai của cải cách ruộng đất (10-1957), một số kẻ xấu đã lợi dụng đạo Thiên chúa dựa vào giáo lý thần quyền để lôi kéo giáo dân đòi bản cố nông xin lỗi địa chủ, bắt con chiên trả lại tài sản được chia và đòi lại ruộng đất của Nhà Chung đã bị trưng thu trong cải cách ruộng đất. Một số linh mục tăng cường xuống các hộ lẻ châu lễ, cấm phòng. Tháng 8-1959, chúng tổ chức ra các hội *7 sự thương khổ Đức mẹ, Trái tim Đức mẹ, hội Nghĩa binh ở Yên Mỹ, Lãnh Trì (Duy Tiên)*, duy trì các hội kèn, hội hát, tung ra nhiều kinh bốn mới, bí mật truyền nhau sao chép, phổ biến, tuyên truyền chống phá chính sách cải tạo các thành phần kinh tế của ta, xé khẩu hiệu, khuyên can giáo dân đừng vào hợp tác xã <sup>(1)</sup>...

---

(1) Báo cáo số 17 ngày 1-1-1960 của Tỉnh ủy về công tác năm 1959.

Trước tình hình phức tạp đó, ngày 25-6-1958, Tỉnh ủy Hà Nam họp và đề ra một số chủ trương đối với những nơi có đồng bào theo đạo Thiên chúa, tăng cường công tác giáo dục ở vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa, làm cho nhân dân phân biệt được giữa tự do tín ngưỡng với việc địch lợi dụng tự do tín ngưỡng để chống phá cách mạng. Kết hợp với phong trào yêu nước chống Mỹ và tình hình cụ thể của từng nơi mà áp dụng nội dung tuyên truyền, giáo dục thích hợp. Đối với những người lợi dụng lòng tin của quần chúng gây lộn xộn trong thôn xóm thì cần có những hình thức đấu tranh ngăn chặn kịp thời.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Việc tuyên truyền giáo dục nhân dân đề cao cảnh giác, phòng gian bảo mật được đẩy mạnh. Các ngành công an, tòa án, chính quyền, đoàn thể cùng phối hợp tiến hành phân loại và xử lý đối với từng loại đối tượng, trấn áp bọn tội phạm hình sự nguy hiểm. Chỉ riêng năm 1959, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý 796 vụ, giải quyết gọn cả những việc tồn tại năm 1958; mở 20 phiên tòa xét xử 61 vụ gồm 77 bị can, giải quyết 811 vụ án dân sự. Công tác cải tạo ngục quân, ngục quyền, địa chủ cường hào, đảng phái phản động được tiến hành. Ngày 19-6-1960, Tiểu ban cải tạo và trấn phản (trấn áp phản động) tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 3 địa bàn *khoanh vùng* là Phú Đa, Thượng Vỹ (Lý Nhân), Tràng Duệ (Bình Lục) và 13 xã mở đợt cải tạo, phát động phong trào bảo vệ trị an ở Duy Tiên, Lý Nhân, Kim Bảng, Bình Lục. Kết quả, công tác phát động nâng cao cảnh giác cho quần chúng, nhất là *địa bàn khoanh vùng*, đã thu hút đông đảo quần chúng tham dự học tập, tư tưởng cởi mở, phát hiện và giúp chính quyền khám phá được một số vụ án chính

trị và hình sự; các tổ chức phụ lão, phụ nữ, thanh niên được củng cố, hoạt động tốt hơn trước. Qua giáo dục, tăng lớp tề ngụy loại tiến bộ và lòng chùng tỏ ra an tâm phấn khởi, tích cực tham gia công tác và chấp hành chính sách, nhất là chính sách hợp tác hóa ở nông thôn, nhiều người trong số họ thiết tha xin vào hợp tác xã<sup>(1)</sup>.

Trong 3 năm (1958 - 1960), công tác quốc phòng - an ninh góp phần quan trọng vào việc giữ vững trật tự trị an, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo an toàn cho đợt thu đổi tiền Ngân hàng cũ, các kỳ bầu cử Quốc hội khóa II (4-1960), bầu cử Hội đồng nhân dân và Đại hội Đảng các cấp.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ Hà Nam không ngừng được củng cố và phát triển vững mạnh. Bên cạnh việc tăng cường học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng được đẩy lên một bước. Qua đợt chỉnh huấn, phê bình và tự phê bình Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 244 đảng viên (khai trừ 144, cho rút 41, không công nhận 15 và đình chỉ sinh hoạt 2). Hầu hết đảng viên đã nâng cao lập trường giai cấp công nhân, nhận rõ vai trò, nhiệm vụ của đảng viên trong giai đoạn mới, 80% chi ủy đã tích cực công tác, 93,7% đảng viên nông thôn vào hợp tác xã. Thực hiện Chỉ thị 05 và 115 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa II) về công tác phát triển Đảng, năm 1959 Đảng bộ kết nạp được 1.108 đảng viên. Ngày 6-11-1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng

---

(1) Báo cáo số 43 ngày 4-10-1960 của Tỉnh ủy về công tác cải tạo và trấn áp.



ra Chỉ thị 169 về tuyên truyền kết nạp *đảng viên lớp đặc biệt "6-1"* <sup>(1)</sup>. Để thực hiện Chỉ thị này, Tỉnh ủy xác định đối với Hà Nam, đợt phát triển đảng viên "6-1" phải nhằm xây dựng vào nơi địa bàn xung yếu, trước hết là những địa bàn có trục đường giao thông quan trọng, vùng tạm chiếm cũ cơ sở còn yếu, nơi có đông đồng bào công giáo, các xí nghiệp và công trường <sup>(2)</sup>. Hưởng ứng cuộc vận động tuyên truyền kết nạp đảng viên, 98% đảng viên tham gia học tập Chỉ thị 169, chi bộ Nguyễn Ủy, Châu Sơn (Kim Bảng) và một số chi bộ khác có 100% đảng viên dự học; các cấp ủy Đảng và cơ sở sản xuất còn phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng, qua đó để lựa chọn quần chúng tích cực, bồi dưỡng, rèn luyện đối tượng kết nạp Đảng. Một số chi bộ xã như Trung Lương (Bình Lục); Liêm Túc, Liêm Trục (Thanh Liêm); Đào Lý, Xuân Khê (Lý Nhân); Thụy Lôi (Kim Bảng) đã làm tốt công tác bồi dưỡng quần chúng. Kết thúc cuộc vận động, Đảng bộ Hà Nam kết nạp được 1.258 đảng viên "*Lớp 6-1*", trong đó Đảng bộ các huyện Thanh Liêm kết nạp 268, Kim Bảng 252, Duy Tiên 203, Bình Lục 202, Lý Nhân 193 và thị xã Phủ Lý 14 đảng viên mới. Đến tháng 6-1960, toàn Đảng bộ đã có 9.964 đảng viên, trong đó đảng viên ở nông thôn có 7.832 đồng chí. Tuy nhiên thời kỳ này đảng viên nông thôn vẫn còn 1,3% mù chữ và 23 chi bộ xã yếu kém. Đảng viên khối cơ quan trình độ văn hóa lớp 3, 4 còn khá đông, cấp II mới có 240 đồng chí và 8 đồng chí có trình độ đại học.

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, từ ngày 1-4 đến 15-5-1960, các chi bộ, Đảng bộ cơ sở đều tiến

---

(1) Trước đây Đảng ta lấy ngày 6-1 làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960) Đảng lấy ngày kỷ niệm là 3-2.

(2) Sự kiện LSD Hà Nam Ninh, Sdd, trang 118.

hành Đại hội, trung bình có 94% đảng viên tham dự, 97% số chi bộ Bầu ban chỉ ủy mới, trong số cấp ủy có 60% chỉ ủy thành phần bản nông. Đại hội chi, Đảng bộ cơ sở đã thảo luận đóng góp ý kiến vào các Văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Dự thảo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa của tỉnh trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, đồng thời bàn nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương năm 1961.

Đầu tháng 6-1960, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (vòng I) được tiến hành. Đại hội đã thảo luận và nhất trí với Trung ương về đường lối, nhiệm vụ cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà; thảo luận và đóng góp nhiều ý kiến cụ thể vào Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương, Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Đại hội cho ý kiến về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa của tỉnh nhiệm kỳ IV để quyết định ở Đại hội vòng II và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh (vòng I), để tiếp tục củng cố tổ chức cơ sở Đảng, ngày 10-8-1960, Tỉnh ủy Hà Nam ra Chỉ thị số 33 CT/TU về xây dựng *chi bộ "4 tốt"*<sup>(1)</sup>, chọn chi bộ xã Châu Sơn (Kim Bảng) làm thí điểm. Cuối tháng 9-1960, việc xây dựng *chi bộ 4 tốt* được mở rộng hầu hết ở các chi bộ nông thôn, 35 xã giao ước thi đua với Châu Sơn quyết tâm xây dựng chi bộ đạt tiêu chuẩn "*4 tốt*"<sup>(2)</sup>.

---

(1) Sự kiện LSD Hà Nam Ninh, Sđd, trang 137.

(2) Nội dung 4 tốt: Rèn luyện tư tưởng tốt; Chấp hành chính sách tốt; tự phê bình và phê bình để đoàn kết nội bộ tốt; Quan hệ với quần chúng tốt (Sự kiện trang 137).

Qua việc thực hiện xây dựng *chi bộ 4 tốt*, nhiều chi bộ trước đây vào loại kém, nay trở thành khá như chi bộ Thanh Tuyên, Liêm Tuyên, Thanh Tâm, Thanh Nghị (Thanh Liêm); Tiên Nội, Tiên Ngoại, Thành Công, Yên Hà (Duy Tiên); Mỹ Thọ, Liên An, Hưng Công (Bình Lục); Nhân Phú, Nhân Phúc, Nhân Thịnh, Nhân Nghĩa (Lý Nhân); Thi Sơn, Tân Sơn (Kim Bảng). Chất lượng đảng viên được nâng lên. Số đảng viên yếu kém giảm hẳn. Huyện Kim Bảng từ 11% yếu kém giảm xuống còn 9%, chi bộ Thanh Sơn (Kim Bảng) trước có 11 đảng viên yếu kém nay chỉ còn 3. Hầu hết đảng viên nông thôn vào hợp tác xã, trong đó huyện Kim Bảng, Thanh Liêm đạt 100%.

Việc củng cố, tăng cường chính quyền, mặt trận và các tổ chức quần chúng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Năm 1958, toàn tỉnh bổ sung 240 cán bộ tăng cường cho các ngành kinh tế - tài chính và một số ngành khác ở tỉnh và huyện. Bộ máy chính quyền cấp xã cũng được chấn chỉnh kiện toàn với việc bổ sung 240 ủy viên và cho nghỉ 154 ủy viên Ủy ban hành chính xã. Ngày 23 và 24-4-1959, Tỉnh ủy Hà Nam họp nghiên cứu Nghị quyết số 40 và các Chỉ thị 86, 87, 89 của Trung ương Đảng về công tác kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh biên chế, điều chỉnh cán bộ. Hội nghị đã đề ra phương hướng thực hiện và Quyết định thành lập Ủy ban kiện toàn tổ chức gồm 8 đồng chí. Ủy ban này có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy chỉ đạo công tác kiện toàn tổ chức để căn bản hoàn thành vào cuối tháng 6-1959.

Ngày 26-4-1959, cùng với các tỉnh miền Bắc, trên 90% cử tri Hà Nam đi bỏ phiếu bầu Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân đã bầu ra các chức danh của Ủy ban hành chính, Viện kiểm sát và Tòa án nhân

dân tỉnh. Các ban ngành thuộc chính quyền tỉnh cũng được kiện toàn. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan qui định rõ ràng hơn, lề lối làm việc bước đầu được cải tiến, hiệu suất công tác đã tăng hơn trước. Bộ máy lãnh đạo ở 5 huyện và thị xã được kiện toàn. Số cán bộ từ 384 lên 555 người, tăng 44% so với biên chế cũ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ được chú trọng hơn. Trong 3 năm (1958 - 1960), toàn tỉnh đã có 460 cán bộ được cử đi học chuyên môn, 47 cán bộ học Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, 197 cán bộ học Trường phổ thông lao động và Trường văn hóa công nông Trung ương, 200 học viên học trường sơ cấp sư phạm của tỉnh.

Liên hiệp Công đoàn tỉnh hoàn thành thí điểm xây dựng các công đoàn cơ sở ở huyện Lý Nhân và triển khai ra các huyện khác; Ban Chấp hành công đoàn các cấp được bầu lại, bổ sung cán bộ, kiện toàn tổ chức công đoàn. Số đoàn viên công đoàn phát triển ngày một tăng, chỉ riêng năm 1959 đã phát triển hơn 1.000 đoàn viên, 40% công nhân và thợ thủ công vào tổ chức công đoàn, xây dựng thêm nhiều công đoàn cơ sở ở công trường, trại Ba Sao, trại chăn nuôi...

Các tổ chức Mặt trận, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, hầu hết đã chấn chỉnh, kiện toàn cơ quan lãnh đạo từ tỉnh xuống xã. Nội dung hoạt động và các phong trào thi đua được đẩy mạnh.

Tháng 2-1959, lực lượng thanh niên Hà Nam cùng với thanh niên Nam Định, Ninh Bình tham gia đội thanh niên xung phong xây dựng chủ nghĩa xã hội đầu tiên do Trung ương Đoàn tổ chức, lao động tại công trường 12B Hòa Bình và xây dựng lò cao số 1 khu gang thép

Thái Nguyên. Ở nông thôn, phong trào *Lá phiếu đầu tiên* thanh niên thi đua vào hợp tác xã, các phong trào *Phát cao cờ tháng Tám đuổi kịp và vượt xã Tam Hưng: 15 cây, 2 miếng; góp sáng kiến cải tiến nông cụ*, xây dựng thửa ruộng “*Cờ đỏ*” diễn ra sôi nổi trong các chi đoàn thanh niên và đạt kết quả thiết thực. Trong các phong trào này, thanh niên, phụ nữ là lực lượng xung kích, trong đó chị Lê Thị Mên (Duy Tiên) đạt danh hiệu “*Kiến tướng làm phân*”<sup>(1)</sup>. Đồng thời Hội phụ nữ còn tích cực vận động tiết kiệm lương thực, quyên góp vốn xây dựng Nhà máy dệt 8-3 Hà Nội.

Phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm, phản đối vụ thảm sát Phú Lợi diễn ra rộng khắp trong tỉnh. Năm 1959 đã có 350 cuộc mít tinh, biểu tình, hội họp. Hàng ngàn thanh niên, học sinh tham gia công tác tuyên truyền. Đã có 150.000 người ký tên vào 1.000 bản kiến nghị phản đối hành động phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hành động trả thù dã man hèn hạ của Mỹ ngay đối với đồng bào yêu nước ở miền Nam. Đặc biệt nhân dân Hà Nam còn có sáng kiến *kết nghĩa với tỉnh Biên Hòa*, mở đầu cho phong trào kết nghĩa Bắc Nam lan rộng ra cả nước. Sau đó phong trào ủng hộ đồng bào Biên Hòa kết nghĩa được hưởng ứng rầm rộ, mở đầu là cuộc mít tinh lớn tổ chức ở thị xã Phủ Lý ngày 20-7-1959 với 16.500 người tham dự.

Nhiều thửa ruộng, vườn cây, con đường, mương máng mang tên Biên Hòa kết nghĩa; phong trào chăn nuôi gia súc,

---

(1) Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Hà Nam Ninh (1925 - 1991).

gia cầm, thả cá, trồng rau, làm thêm giờ vì miền Nam, vì Biên Hòa được tổ chức rộng khắp ở các cấp, các ngành và mọi lứa tuổi; hàng ngàn thư thiếp gửi đồng bào, người thân ở miền Nam và quyên góp tiền ủng hộ gia đình nạn nhân đã được thực hiện. Từ ngày 20-7-1960, Tỉnh ủy Hà Nam phát động đợt thi đua lao động phản đối "luật 10-59", đòi phái đoàn quân sự Mỹ (MAAG)<sup>(1)</sup> rút khỏi miền Nam Việt Nam. Phong trào thi đua diễn ra sôi nổi bằng những hành động thiết thực như tổ chức ngày lao động chống úng, chống hạn, làm thủy lợi, làm phân bón ruộng. Kết quả 100 ngày thi đua lao động (từ 20-7 - 30-10-1960), toàn tỉnh đã đào đắp 112.159 m<sup>3</sup> đất khoanh vùng ngăn nước, tát nước chống hạn cứu 243,5 mẫu lúa, cấy thêm 70,5 mẫu và bón 248 tấn phân các loại cho lúa.

Trải qua hơn 6 năm (7-1954 - 12-1960) vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng ổn định tình hình và phục hồi kinh tế, vừa thực hiện một loạt nhiệm vụ như cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ và nhân dân Hà Nam đã vượt qua khó khăn, thử thách và thu được những thành quả rất quan trọng. Sau 3 năm khôi phục (1955 - 1957), tình hình sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp đã phục hồi nhanh chóng, văn hóa, giáo dục, y tế bước đầu phát triển; do đó, đời sống kinh tế - văn hóa của nhân dân từng bước được cải thiện. Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất, giai cấp nông dân được giải phóng trở thành người làm chủ ở nông thôn, khẩu hiệu "Người cày có ruộng" trở thành hiện thực. Từ năm 1958 - 1960,

---

(1) Military Aid and Advisory Group - Phái đoàn cố vấn và viện trợ quân sự Mỹ được lập tháng 6-1950 theo lệnh của Tổng thống Mỹ Toruman, do tướng Giôn Ôdanien chỉ huy.

công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, trong đó chủ yếu là hợp tác hóa nông nghiệp, đã thu được kết quả tốt đẹp. Việc xác lập quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp làm nảy sinh mối quan hệ mới giữa người với người, khối liên minh công nông được củng cố vững chắc. Thắng lợi của 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa đã làm chuyển biến căn bản nền kinh tế của tỉnh. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt, quốc phòng an ninh được củng cố và tăng cường, trật tự trị an xã hội được giữ vững, tình đoàn kết giữa Đảng với dân, giữa lương và giáo được gắn bó mật thiết.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được đẩy mạnh tạo nên động lực chính trị rất quan trọng đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân Hà Nam bước vào giai đoạn mới vững chắc hơn.

## CHƯƠNG VII

# THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 — 1965)

### I - TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ XÁC LẬP QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1961 — 1962)

Tháng 9-1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã đề ra đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới với hai nhiệm vụ: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Về xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội đã xác định những phương hướng nhiệm vụ cơ bản trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Để quán triệt sâu rộng trong nhân dân, Trung ương Đảng đã tổ chức nhiều Hội nghị Trung ương và Hội nghị chuyên đề để cụ thể hóa đường lối xây dựng kinh tế - xã hội miền Bắc trong chặng đường mới.

Ở Hà Nam, được thắng lợi của thời kỳ khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa những năm 1955 - 1960 cổ vũ, Đảng bộ và nhân dân hăng hái bước vào triển khai thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Trung ương Đảng đã đề ra.



Từ ngày 20-2 đến 1-3-1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ IV vòng II được tổ chức; có 199 đại biểu chính thức và 28 đại biểu dự khuyết. Các đại biểu đã nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về kế hoạch Nhà nước, kiểm điểm tình hình mọi mặt trong hai năm 1959 - 1960 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1961 - năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Sau khi đánh giá những kết quả đã đạt được và những thiếu sót cần khắc phục, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ năm 1961 là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, mà trọng tâm là đảm bảo tư túc lương thực, nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những chỉ tiêu và biện pháp chủ yếu là:

- Đối với hợp tác xã : củng cố và nâng cao trình độ quản lý mọi mặt, bảo đảm 100% lập được kế hoạch cả năm, đưa từ 25 - 30% bậc thấp lên bậc cao, vận động 100% xã viên vào hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng.

- Sản xuất nông nghiệp: đưa giá trị tổng sản lượng tăng 21,2% so với năm 1960. bình quân lương thực đầu người đạt 343,3kg/năm (trong đó thóc đạt 304 kg).

- Công nghiệp địa phương phát triển mạnh mẽ, vững chắc, đưa giá trị tổng sản lượng tăng 12,2% so với năm 1960.

- Xây dựng cơ bản, giao thông vận tải tập trung phục vụ tốt sản xuất và xây dựng, chú trọng xây dựng một số công trình phúc lợi công cộng thật cần thiết.

- Tăng cường công tác thương nghiệp, tài chính, ngân hàng phục vụ cho sản xuất phát triển.



Đồng chí  
LÊ QUANG TUẤN  
Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam  
từ năm 1959 đến tháng 3-1961



Đồng chí  
TRẦN ĐOÀN  
Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam  
từ tháng 3-1961  
đến tháng 4-1965

- Đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học phải kết hợp nhiều hình thức: chính quy và tại chức; đào tạo 122 công nhân kỹ thuật, tăng 18,4% so với năm 1960.

- Văn hóa, giáo dục, y tế : Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cấp I, II; phát triển các trường phổ thông công nông nghiệp và công nghiệp. Chú trọng xây dựng nông thôn mới, thực hiện 80% hợp tác xã có nhà văn hóa và tủ sách. Nâng cao chất lượng các cơ sở y tế, tích cực động viên nhân dân xây dựng trạm y tế dân lập, nhà hộ sinh xã, tủ thuốc xã và hợp tác xã. Phát động phong trào rèn luyện thân thể trong các cơ quan, xí nghiệp trường học và nông thôn.

- Nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, kết hợp giáo dục tinh thần yêu nước với chủ nghĩa xã hội.

- Tăng cường, củng cố bộ máy chính quyền các cấp và các đoàn thể quần chúng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiện toàn chi bộ nông thôn, xí nghiệp, nông trường nhằm tăng cường sự lãnh đạo đối với sản xuất, bảo đảm chi bộ thực sự là hạt nhân lãnh đạo ở cơ sở.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới của Đảng bộ tỉnh gồm 25 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Trần Đoàn được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 2-1961, Bộ Chính trị mở cuộc vận động "*Chỉnh huấn mùa xuân*", nhằm quán triệt những nội dung của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa được đề ra ở Đại hội lần thứ III của Đảng. Thực hiện cuộc vận động chỉnh

huấn mùa xuân của Đảng, Đảng bộ tỉnh đã chỉ rõ: “Trong thời gian tới chúng ta phải coi hai công tác lớn chỉnh huấn và củng cố phát triển hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là công tác trọng tâm”<sup>(1)</sup>, Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định tạm hoãn tổ chức Đại hội các Đảng bộ huyện, thị xã để tập trung chỉ đạo thực hiện cuộc vận động chỉnh huấn mùa xuân của Đảng.

Đến tháng 6-1961, tỉnh đã triển khai chỉnh huấn đợt 1 cho khối cơ quan Nhà nước, thu hút 97% số đảng viên tham gia và sau đó mở rộng chỉnh huấn đợt 2 cho cán bộ đảng viên nông thôn. Qua chỉnh huấn, cán bộ đảng viên đều nhận rõ trách nhiệm của mình trước tình hình và nhiệm vụ mới, thấy rõ vấn đề quan trọng là đẩy mạnh sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng tinh thần làm chủ tập thể, quyết tâm phấn đấu vươn lên trên mọi lĩnh vực sản xuất và công tác.

Tiếp đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn phát động đợt xây dựng chi bộ “ba nhất” ở các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn tỉnh nhằm củng cố các chi bộ vững mạnh, đủ sức lãnh đạo hoàn thành kế hoạch Nhà nước làm cơ sở cho phong trào thi đua học tập và tiến kịp Đại Phong. Tỉnh ủy yêu cầu các chi bộ gắn chặt quá trình xây dựng chi bộ “ba nhất” với học tập Nghị quyết Đại hội III của Đảng, thi đua sản xuất, củng cố hợp tác xã và cuộc vận động chỉnh huấn cán bộ đảng viên.

---

(1) Trích Nghị quyết số 02/NQ-TV-TU ngày 27-3-1961.

Qua gần một năm thực hiện, nhiều chi bộ ở nông thôn, thị xã, xí nghiệp, trường học đã làm tốt cuộc vận động. Tính đến cuối năm 1961, số lượng đảng viên đạt tiêu chuẩn “*ba nhất*” đã tăng từ 31% (tháng 4) lên 65%, có huyện lên tới 69% (Thanh Liêm). Nhiều đảng viên xung phong đăng ký phấn đấu trở thành kiện tướng sản xuất, trở thành đảng viên “*ba nhất*”. Chi bộ Quyết Tiến (thôn Bùi, xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục) được công nhận là lá cờ đầu của phong trào.

Cuộc vận động xây dựng chi bộ “*ba nhất*” thực sự đem lại những kết quả về xây dựng Đảng gắn với phát triển sản xuất. Vì thế, tháng 2-1962, Tỉnh ủy quyết định đưa cuộc vận động thành công tác thường xuyên trong xây dựng Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng bổ sung, cụ thể hóa các tiêu chuẩn ở các chi bộ. Đối với chi bộ nông thôn, phải đảm bảo lãnh đạo phong trào hợp tác hóa, phát triển sản xuất và chấp hành chính sách tốt nhất; củng cố và xây dựng Đảng tốt nhất; học tập đều, kết quả tốt và sửa đổi lề lối làm việc tiến bộ nhất. Các chi bộ cơ quan, xí nghiệp, trường học cụ thể hóa tiêu chuẩn theo yêu cầu của mỗi nơi.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của tổ chức Đảng ở cơ sở đây là nơi “*Trực tiếp thực hiện mọi chủ trương chính sách, nghị quyết kế hoạch của cấp trên. Nó là cái cầu nối liền giữa Đảng và quần chúng, động viên tổ chức lãnh đạo quần chúng thi hành chủ trương chính sách của Đảng, nghiên cứu giải quyết những ý kiến nguyện vọng của quần chúng. Nó là trung tâm lãnh đạo thống nhất và toàn diện mọi mặt hoạt động ở xã*”<sup>(1)</sup>.

---

(1) Nghị quyết số 27 NQ/TU “Về nhiệm vụ ra sức tăng cường nâng cao tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn” ngày 31-1-1962.

Đặt vận động tập trung vào cải tiến công tác lãnh đạo, lề lối, tác phong làm việc xây dựng tác phong sâu sát, khẩn trương, tăng cường cán bộ xuống nông thôn. Tăng cường lãnh đạo tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ đảng viên, phân định ranh giới giữa công tác Đảng và công tác chính quyền.

Từ tháng 3-1962, Tỉnh ủy Hà Nam tiến hành tổ chức học tập lý luận chính trị cơ bản cho cán bộ đảng viên ở cơ sở và hoàn thành học tập Điều lệ Đảng. Đảng viên được học tập, chỉnh huấn về những nội dung như: Hai giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản, đường lối chung và đường lối kinh tế của Đại hội III, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Nghị quyết của Bộ Chính trị về kế hoạch Nhà nước năm 1962, nguyên tắc tổ chức, tính chất giai cấp của Đảng ở nông thôn, quá trình học tập kết hợp chặt chẽ với lãnh đạo sản xuất.

Qua học tập, trình độ lý luận và tư duy kinh tế của cán bộ, đảng viên được nâng lên. Phong trào đấu tranh tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh, tinh thần đoàn kết nhất trí nội bộ được củng cố tốt hơn. Ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên được nâng cao.

Qua phân loại toàn tỉnh có 76 Đảng bộ loại khá chiếm 57%; 52 Đảng bộ trung bình (39%) và chỉ còn 5 Đảng bộ loại kém (4%). Ba tháng đầu năm 1962, toàn tỉnh đã phát triển thêm 200 đảng viên mới, huấn luyện cho 605 quần chúng tích cực, chuyển chính thức cho 149 đồng chí, bồi dưỡng cho 386 đảng viên mới. Đợt vận động củng cố

cố cơ sở Đảng đã có tác dụng thúc đẩy mọi mặt công tác và sản xuất ở địa phương.

Trong năm 1961, Tỉnh ủy Hà Nam xuất bản một số tờ báo như tờ *Tin Hà Nam, Thông tin nội bộ, Tin giáo dục Hà Nam, Tập san Văn hóa...* để tuyên truyền giáo dục đường lối của Đảng trong quần chúng nhân dân. Tỉnh ủy đã họp và ra *Nghị quyết về báo chí, truyền thanh*, trong đó chỉ rõ “*Báo chí, Thông tin... phải thật sự trở thành vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân trên mặt trận tư tưởng và chính trị, ra sức nâng cao tính tư tưởng, tính chiến đấu, tính quần chúng... và phải thật sự trở thành món ăn tinh thần của đông đảo quần chúng*”<sup>(1)</sup>, tháng 7-1962, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định xuất bản *Báo Hà Biên*.

Báo Hà Biên là cơ quan ngôn luận của Tỉnh ủy để chỉ đạo công tác và thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân trong tỉnh. Tờ báo có nhiệm vụ giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng kinh tế - xã hội, đồng thời nâng cao ý chí đấu tranh thống nhất Tổ quốc, tuyên truyền tinh thần yêu nước và quốc tế vô sản, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chủ trương, kế hoạch công tác của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân lao động trong tỉnh.

Việc xuất bản báo Hà Biên đã góp phần đắc lực thực hiện những nhiệm vụ cách mạng của tỉnh. Tờ báo thực sự trở thành tiếng nói của Đảng, chính quyền và nhân dân Hà Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

---

(1) Nghị quyết số 12 NQ/TU “Về công tác báo chí, truyền thanh” ra ngày 16-6-1961.

Qua hai năm củng cố, phát triển Đảng, Hà Nam đã kết nạp thêm 1.724 đảng viên (1.520 đồng chí ở nông thôn, 194 đồng chí ở các Đảng bộ cơ quan), lựa chọn và bồi dưỡng hơn 4.500 quần chúng cảm tình, tổ chức đào tạo 14.000 cán bộ đảng viên về chính trị, chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ... Với sự phát triển mạnh mẽ và củng cố vững chắc đó, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tiến lên đạt nhiều thành tích về mọi mặt trong hai năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp từ 4 đến 10-1-1961, toàn tỉnh đã mở chiến dịch "*Đông xuân Hà Nam - Biên Hòa quyết tiến quyết thắng*". Đây là chiến dịch Hà Nam thi đua với Biên Hòa kết nghĩa cây cày kịp thời vụ, làm thủy lợi và phân bón. Sau bảy ngày chiến dịch, nhiều chỉ tiêu đã đạt và vượt mức kế hoạch, nhất là phong trào làm phân bón và thủy lợi. Xã Trịnh Xá (Bình Lục) là đơn vị tổ chức làm đất, cấy lúa vào ban đêm, cố gắng gieo cấy trong khung thời vụ tốt nhất của chiến dịch thi đua.

Thắng lợi bước đầu này đã cổ vũ tinh thần hăng hái lao động xây dựng quê hương, xây dựng hợp tác xã của cán bộ đảng viên và nhân dân Hà Nam ngay từ những ngày đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Sau khi sơ kết đợt 1, Tỉnh ủy quyết định phát động đợt 2 chiến dịch, đẩy mạnh hơn nữa vụ sản xuất đông xuân, chuẩn bị cho vụ thu và vụ mùa. Kết quả đông xuân 1960 - 1961, Hà Nam thu 93.321 tấn lương thực trong đó có 75.661 tấn thóc, tăng 27% so với vụ đông xuân 1959 - 1960 và vượt kế hoạch 8,5%.

Trên cơ sở đó Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết về sản xuất vụ mùa, phát động chiến dịch "*Mùa Đại Phong*". Đến ngày 25-7-1961, toàn tỉnh cấy được 66.251 mẫu lúa, đạt



96% kế hoạch. Huyện Thanh Liêm cấy vượt mức 7,1%. Cùng với việc đảm bảo diện tích gieo cấy, các hợp tác xã đã áp dụng các biện pháp kỹ thuật, đẩy mạnh khâu làm đất, làm phân xanh, đắp bờ vùng, bờ thửa bảo vệ ruộng lúa.

Chăn nuôi lợn, thả cá cũng phát triển mạnh. Đầu tháng 4-1961, theo điều tra ở 20 xã, có 56% số hộ nuôi lợn. Đến tháng 7, số hộ nuôi lợn đã tăng lên 62,6%. Riêng huyện Lý Nhân có 75% và huyện Thanh Liêm có 68%.

Những kết quả trên đã tạo nhiều thuận lợi để hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ mùa và cả năm 1961.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ giữ vai trò xung kích. Hội liên hiệp Phụ nữ Hà Nam đã tổ chức cho chị em học tập, thảo luận nội dung thi đua "5 tốt"<sup>(1)</sup>. Hàng ngàn chị em phụ nữ đã đăng ký thi đua "5 tốt" ở từng nội dung cụ thể cũng như toàn bộ các nội dung thi đua. Đoàn thanh niên tỉnh đã phát động phong trào "Những người xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất", Tỉnh ủy đã ra chỉ thị yêu cầu các cấp ủy Đảng tăng cường lãnh đạo phong trào trên và tiến đến mở rộng thành phong trào thi đua của toàn dân.

Từ ngày 11 đến 20-9-1961, Hội nghị Tỉnh ủy Hà Nam mở rộng đã tiến hành nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (7-1961), đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong thời kỳ 1958 - 1960 và đề ra

---

(1) Năm tốt : 1. Chấp hành chính sách tốt; 2. Tham gia quản lý tốt; 3. Lạc đồng sản xuất tốt; 4. Học tập tốt; 5. Nuôi dạy con cái, sắp xếp gia đình tốt.

phương hướng nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong 5 năm 1961 - 1965. Hội nghị đề ra một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 1965 về lúa, màu, năng suất, sản lượng lương thực. Chăn nuôi, nghề phụ dựa vào sản xuất nông nghiệp mà phát triển cho thích hợp. Trước hết, phải đẩy mạnh công tác thủy lợi, tăng cường sức kéo, cải tạo đất, đảm bảo đủ phân bón, giống tốt, đúng thời vụ, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, phân vùng nông nghiệp, lập quy hoạch thổ nhưỡng, tổ chức lao động hợp lý, cải tiến công cụ. Song song với việc củng cố và phát triển hợp tác xã, phải xây dựng các nông trường quốc doanh nhằm khai thác tiềm năng vùng bán sơn địa của tỉnh. Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 1961 - 1965, phải đào tạo 8.527 cán bộ xã và hợp tác xã, 23.000 cán bộ đội sản xuất, bố trí lại lực lượng cán bộ, sửa đổi lề lối làm việc, ra sức kiện toàn chi bộ Đảng.

Những tháng cuối năm 1961, Hà Nam dấy lên phong trào thi đua trở thành "*Trai gái Đại Phong*", "*Xã viên Đại Phong*" và "*Đội sản xuất Đại Phong*" nhằm bồi dưỡng tầng lớp thanh niên. Các đợt thi đua tiếp theo liên tục được phát động tháng 10 thi đua "*6 tốt*", tháng 11 thi đua "*Sản xuất đông xuân Đại Phong vượt mức kế hoạch*", tháng 12 thi đua "*Đông xuân Hà Biên anh dũng*". Trong chiến dịch "*Đông xuân Hà Biên anh dũng*" đã có 570 đảng viên đạt danh hiệu kiện tướng, 826 đảng viên được bầu là cá nhân xuất sắc, 176 đồng chí được tặng danh hiệu "*Trai gái Đại Phong*", chi bộ xã Bình Minh (huyện Bình Lục) có 70% đảng viên đạt danh hiệu "*Lao động tiên tiến*" trong hợp tác xã. Các chi bộ ngày càng tập trung vào lãnh đạo sản xuất và quản lý hợp tác xã. Số cấp ủy viên và đảng

viên tham gia Ban quản trị hợp tác xã ngày càng nhiều. Đã có 2.837 đảng viên trong Ban quản trị, Ban kiểm soát, ở 825 hợp tác xã, chiếm 27%. Riêng đội ngũ chủ nhiệm hợp tác xã có 85% là đảng viên. Nhiều chi bộ kém đã vươn lên trung bình và khá như Liêm Tiết, Thanh Thủy (Thanh Liêm); An Hòa, La Sơn (Bình Lục); Hùng Lý, Nhân Hòa (Lý Nhân); Tiên Yên, Trác Bút (Duy Tiên), Đồng Hóa (Kim Bảng). Đối với một tỉnh chủ yếu là đồng trũng như Hà Nam, công tác thủy lợi luôn được coi là công tác hàng đầu để bảo vệ và phát triển sản xuất. Trong các phong trào thi đua sản xuất, thủy lợi luôn được đặt là mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Từ những năm khôi phục và cải tạo kinh tế, cấp ủy Đảng, chính quyền, hợp tác xã đã chú ý lãnh đạo công tác thủy lợi. Trong 3 năm 1958 - 1960, toàn tỉnh đã đào mới, nạo vét 750 km nương máng, đắp 2.800 km đường ven nông, nâng cao 160 km đê bồi và xây mới hàng trăm cầu cống với khối lượng 20 triệu m<sup>3</sup> đất đá (bằng 3 lần thời kỳ 1955 - 1957). Trên 1.500 mẫu lúa từ 1 vụ chuyên thành 2 vụ, diện tích thả cá tăng gấp 4 lần năm 1957. Hệ thống thủy lợi đã góp phần giảm bớt thiệt hại trong sản xuất. Làm thủy lợi đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi ở Hà Nam. Lý Nhân là huyện điển hình, toàn huyện ra quân làm thủy lợi đào đắp nương máng với tinh thần lạc quan "*Vất vả 3 năm để sung sướng muôn đời*". Xã Xuân Khê trở thành là cơ điển toàn miền Bắc về phong trào làm thủy lợi, được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Tuy nhiên công tác thủy lợi chưa đảm bảo chống ung một cách vững chắc. Tại Hội nghị thủy lợi toàn tỉnh họp

tại Xuân Khê (Lý Nhân) đã đề ra phương hướng công tác thủy lợi những năm tới là tiếp tục thực hiện, tưới tiêu nước một cách chủ động, dần dần biến toàn bộ ruộng đất canh tác trong tỉnh thành ruộng trồng cây nhiều vụ ăn chắc, đồng thời sử dụng các công trình thủy lợi để nuôi cá, trồng cây, phát triển giao thông nông thôn. thực hiện khẩu hiệu “*giải phóng đôi vai*” cho người lao động và lấy phù sa để bón ruộng.

Hội nghị nhất trí với phương châm về công tác thủy lợi do Trung ương đề ra nhằm kết hợp giữ nước với dẫn nước và tháo nước, kết hợp những công trình hạng nhỏ do nhân dân làm với những công trình vừa và lớn do Nhà nước làm hoặc do Nhà nước và nhân dân cùng làm. Chỉ tiêu cần đào đắp trong 5 năm tới là 40 triệu m<sup>3</sup> đất bình quân đầu người mỗi năm từ 15 - 20 m<sup>3</sup>.

Tỉnh đã thực hiện quy hoạch hệ thống thủy lợi, hoàn thành cống lớn Phủ Lý và 26 cống điều tiết khác, xây dựng 2 trạm bơm ở hữu ngạn sông Đáy (Kim Bảng). Hệ thống thủy lợi này đảm bảo tưới tiêu cho 28.448 ha lúa vụ mùa 1962 và vụ đông xuân 1962 - 1963, giải quyết căn bản 63.000 mẫu lúa bị hạn. Ở các huyện đã kết hợp thủy lợi với thả cá, trồng cây, giao thông nông thôn. Xã Xuân Khê (Lý Nhân) vẫn là lá cờ đầu về thủy lợi của tỉnh. Phong trào làm thủy lợi vẫn phát triển rộng rãi, nhiều xã có tiến bộ.

Tính đến cuối năm 1961, toàn tỉnh xây dựng được 837 hợp tác xã với 95.011 hộ nông dân (chiếm 94,53% số hộ nông dân trong tỉnh). 145 hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao với 22.458 hộ chiếm 22,34% tổng số hộ xã viên (năm 1960 có 89,22% số nông hộ vào hợp tác xã trong đó có 5,6% số hộ trong hợp tác xã bậc cao). Việc mở rộng quy

mô hợp tác xã theo đơn vị thôn đã cơ bản hoàn thành. Đã có 527/666 thôn xây dựng hợp tác xã toàn thôn, chiếm 84%. Toàn tỉnh đã xây dựng 53 hợp tác xã liên thôn với quy mô 2 - 3 thôn và 3 hợp tác xã toàn xã.

Trong các hợp tác xã, phong trào thi đua với Đại Phong, phong trào cải tiến công cụ, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiên bộ <sup>(1)</sup>, xuất hiện nhiều hợp tác xã tiêu biểu như Minh Tiến, Đình Ngộ, Vũ Xá (Duy Tiên), Quyết Tiến (Bình Lục); Thanh Nguyên (Thanh Liêm). Tỉnh đã được Nhà nước tặng hai Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích sản xuất và thủy lợi.

Trong những năm 1961 - 1962, thiên tai xảy ra liên tục, hết hạn đến úng. Vụ đông xuân 1961 - 1962, Hà Nam bị hạn nặng. Đến ngày 28-1-1962, diện tích lúa bị hạn lên tới 50.490 mẫu, chiếm 47% diện tích lúa đông xuân, 43% diện tích lúa đã cấy bị thiếu nước (35.627 mẫu). Hai huyện Duy Tiên và Kim Bảng, mặc dù có máy bơm nước, nhưng diện tích cấy lúa chỉ đạt 60%.

Trước tình hình hạn hán nghiêm trọng và kéo dài, Tỉnh ủy lập Ban chỉ đạo chống hạn, đưa cán bộ xuống các địa phương chỉ đạo chống hạn cứu lúa. Các huyện đã tổ chức hội nghị bàn biện pháp phát động nhân dân làm thủy lợi chống hạn, khẩn trương nạo vét kênh mương trước tết Nguyên Đán. Huyện Bình Lục huy động 6.000 ngày công nạo vét làm máng sông Ngân. Huyện Duy Tiên huy động hàng nghìn ngày công đào nạo vét máng Giáp Ba, đắp máng Duy Minh, Bạch Thượng. Huyện Lý Nhân huy

---

(1) Đó là việc đóng xe cải tiến để *giải phóng đôi vai*, cải tiến công cụ sản xuất và thực hiện ngâm mạ theo công thức "*ba sôi hai lạnh*". sử dụng bèo hoa dâu...

động 5.000 ngày công nạo vét máng Mạc Thượng, Đồng Lư, đào đắp máng Hội Động, Phú Đa. Nhân dân cũng tích cực nạo vét hệ thống mương máng nhỏ nội đồng. Toàn tỉnh đã huy động 70 máy bơm dầu, 20 máy bơm điện bơm nước tưới cho 10.000 mẫu lúa. Nhân dân bỏ ra 431.684 ngày công, dùng 2.628 guồng nước và 50.264 gầu để tát nước chống hạn.

Nhờ những cố gắng to lớn đó, đến ngày 12-2-1962, toàn tỉnh chỉ còn 5.018 mẫu lúa bị hạn và đã cấy được 90% diện tích. Huyện Duy Tiên bị hạn nặng nhất, chỉ còn 219 mẫu bị hạn.

Sau đợt hạn nặng vừa qua, tháng 6 và 7 năm 1962, nhiều trận mưa lớn dồn dập với lượng mưa từ 250 - 300 ly ập đến, làm những cánh đồng trũng nhanh chóng bị úng và diện ngập ngày càng lan rộng. Toàn tỉnh có đến 2.100 mẫu mạ và 13.945 mẫu lúa mới cấy bị ngập.

Đảng bộ và nhân dân Hà Nam phải ngày đêm vật lộn với thiên tai để bảo vệ sản xuất. Huyện Lý Nhân tổ chức Hội nghị tại xã Xuân Khê, phát động phong trào "Đấu thủy, cấy mùa" trong toàn huyện. Trong ngày đầu tiên của chiến dịch (23-6-1962), xã Xuân Khê đã huy động 8.000 ngày công chống úng. Những ngày tiếp theo nhân dân trong xã đã sử dụng 800 gầu, 45 guồng tát nước suốt ngày đêm. Nhờ vậy, 700 mẫu ruộng bị ngập sâu dưới 0,6m đã được tát cạn, cây kịp thời vụ.

Học tập xã Xuân Khê, các xã Đạo Lý, Nhân Hưng, Nhân Mỹ, Nhân Thịnh (Lý Nhân) và các huyện Thanh Liêm, Bình Lục đã phát động nhân dân chống úng thắng lợi, bảo đảm sản xuất vụ mùa. Sau hơn 2 tháng vật lộn

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp sau một thời gian phát triển mạnh mẽ cũng đã bộc lộ một số nhược điểm. Quản lý là khâu yếu nhất của hợp tác xã, phải cải tiến tổ chức sửa đổi lề lối làm việc cho phù hợp với hợp tác xã quy mô thôn, phải tăng cường lãnh đạo trong các hợp tác xã để đẩy mạnh sản xuất, Hà Nam cũng như nhiều địa phương khác đang phải đối mặt với tình hình và nhiệm vụ đó. Tháng 4-1962 Tỉnh ủy đã thảo luận và ra Nghị quyết về nội dung, bước đi của cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã trong năm 1962 với phương châm tích cực, vững chắc và đảm bảo đạt yêu cầu tốt.

Ngày 15-5-1962, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, gồm 11 đồng chí do đồng chí Trần Đoàn. Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Tỉnh ủy cũng ra Nghị quyết mở rộng cuộc vận động ra toàn tỉnh.

Đến tháng 6-1962, tỉnh đã mở hàng chục lớp huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cho 6.336 cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện, xã, hợp tác xã và trên một vạn cán bộ đảng viên, đã tiến hành thí điểm ở 57 cơ sở và bước đầu thu được kết quả tốt. Tỉnh ủy đã xác định 5 yêu cầu trọng tâm của cải tiến quản lý hợp tác xã là : xác định được phương hướng sản xuất, lập kế hoạch sản xuất; nâng cao chất lượng khoán và thực hiện 3 khoán; xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng các biện pháp kỹ thuật; xây dựng và thực hiện một số nội quy chế độ nhất là nội quy lao động, bảo vệ tài sản, tài chính công khai; kiện toàn tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc ở xã, tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng đối với hợp tác xã.

Đến cuối năm 1962, nhờ phát động liên tục các phong trào thi đua sản xuất và những cố gắng trong việc củng cố hợp tác xã, Đảng bộ Hà Nam đã đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp lên một bước mới. Toàn tỉnh đã có 95,75% số hộ nông dân tham gia vào 750 hợp tác xã nông nghiệp. Tỷ lệ hợp tác xã bậc cao tăng lên 33,1%. Quy mô hợp tác xã đã được mở rộng, bình quân mỗi hợp tác xã có 128 hộ. Các hợp tác xã bước đầu xác định được phương hướng sản xuất, trình độ quản lý được nâng cao, chế độ quản lý dân chủ được mở rộng. Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nhất là của chi bộ đối với phong trào hợp tác hóa được tăng cường.

Trong phong trào thi đua với Đại Phong, đã xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến. Hợp tác xã loại khá tăng từ 31% (năm 1960) lên 40,83%, hợp tác xã loại kém giảm từ 17% xuống còn 11,78%. Hợp tác xã thôn Bùi được công nhận là một trong 250 "*Hợp tác xã Đại Phong*" của toàn miền Bắc.

Cùng với sự lớn mạnh của hợp tác xã nông nghiệp, các hợp tác xã mua bán và tín dụng cũng được củng cố và phát triển. Đến cuối năm 1962, số xã viên hợp tác xã mua bán đạt tỷ lệ 72% và hợp tác xã vay mượn đạt 65,4% so với số lao động nông nghiệp. Đời sống nhân dân được cải thiện hơn trước. Điều tra ở 57 hợp tác xã, bình quân thu nhập thực tế bằng tiền của một hộ nông dân năm 1962 tăng hơn năm 1961 là 8,6%, mua sắm hàng hóa tăng 15,2%... Nhờ vậy, tinh thần đoàn kết nội bộ hợp tác xã được tăng cường, quan hệ giữa hợp tác xã và Nhà nước ngày càng được củng cố.



Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng phân bố hợp lý lao động và phát triển kinh tế - xã hội miền núi, trong hai năm 1961 - 1962, Hà Nam đã chú ý lãnh đạo công tác đưa người đi khai hoang trong và ngoài tỉnh. Đảng bộ đã xác định tăng cường khai hoang là một trong những biện pháp để đạt mục tiêu về lương thực.

Tháng 4-1961, Tỉnh ủy thành lập Ban lãnh đạo khai hoang và nêu rõ *phương châm công tác khai hoang là "lấy ngắn nuôi dài", "lấy rừng nuôi rẫy", "kết hợp nuôi chèo giũa trồng trọt và chăn nuôi"*. Hướng khai hoang ngoài tỉnh là các tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang, trong tỉnh là các huyện Kim Bảng, Thanh Liêm.

Tại Phú Thọ, tỉnh lập trọng điểm khai hoang tại xã Võ Miếu (Thanh Sơn), còn trong tỉnh ở vùng núi Ba Sao (Kim Bảng). Cuối năm 1961, Hà Nam đã đưa 300 lao động, xây dựng 37 gian nhà tại Võ Miếu... Tỉnh ủy quyết định xây dựng cơ sở ở đây thành hợp tác xã cao cấp Hà Biên để làm trọng điểm cho phong trào khai hoang trong và ngoài tỉnh, làm cơ sở để mở rộng phong trào khai hoang trong 5 năm 1961 - 1965 và quyết định tăng cường cán bộ, xây dựng tổ chức Đảng ở hợp tác xã Hà Biên, giúp đỡ mọi mặt để bà con ở đây yên tâm xây dựng quê hương mới.

Đến hết năm 1961, tổng diện tích khai hoang được 1.186 ha, bằng 148,3% kế hoạch, thu hoạch 173 tấn thóc, 600 tấn khoai, 150 tấn ngô, 3.420 tấn sắn và thu lâm sản 26.000 đồng. Tuy nhiên chỉ tiêu dự định đưa 500 lao động lên Võ Miếu khai hoang 400 ha, nhưng thực tế chỉ đưa được 300 lao động, khai hoang được 250 ha. Các địa điểm khai hoang còn gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống.